
Hội chùa Tam Huyền

Thờ: Từ Vinh (Thanh phụ Thảng Láng)

Địa điểm: Phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân

Thời gian: 9 tháng Giêng và 6 tháng Ba

Chính hội: 6 tháng Ba

Đặc điểm: Đấu roi

Chùa Tam Huyền thuộc quần thể di tích chùa Láng (thờ Thiền sư Từ Đạo Hạnh), một quần thể ghi đậm dấu ấn Phật giáo triều Lý (1010 - 1225) dưới thời Vạn Hạnh - thời kỳ hưng thịnh của lịch sử Phật giáo Việt Nam.



Chùa Tam Huyền. Ảnh tư liệu

Chùa Tam Huyền có tên chữ là Sùng Phúc tự, nằm bên bờ phải dòng sông Tô Lịch ở địa phận thôn Thượng Đình, xã Nhân Mục cũ (tục gọi là Mọc cũ trong cụm 8 làng Mọc của vùng Mọc lừng danh xưa), tổng Khương Đình, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông, nay thuộc thôn Minh Khai, xã Khương Đình, huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội, giáp với khu công nghiệp Thượng Đình (quận Đống Đa). Tháng 1 – 1997 thuộc phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân.

Chùa Tam Huyền có lăng thánh phụ Từ Vinh, thân phụ của thiền sư Từ Đạo Hạnh, là vị thiền sư nổi tiếng thời Lý Nhân Tông (1072 - 1127) thuộc thế hệ thứ 12 dòng Thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi tại Việt Nam. Thánh phụ Từ Vinh giữ chức tăng quan đô sát, có điều xích mích với Diên Thành Hầu, Diên Thành Hầu nhờ sư Đại Diên (hiện nay thờ tại chùa Duệ Tú – thôn Tiền, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy) dùng pháp thuật đánh chết, ném xác xuống sông Tô Lịch. Tương truyền xác gồm 3 khúc: khúc đầu trôi dạt vào địa phận xã Nhân Mọc cũ. Còn thân mình thì trôi dạt mãi tới địa phận thôn Pháp Vân (tục gọi là Kê Vân) xã Hoàng Liệt, huyện Thanh Trì. Trong dân gian hiện vẫn lưu truyền câu ca dao: “Mọc cũ thờ đầu, Lũ Cầu thờ chân, Pháp Vân thờ khúc giữa” ý nói về ba làng dọc bờ sông Tô Lịch thờ đức thánh phụ Từ Vinh.

Năm Bính Ngọ (1726), năm Bảo Thái thứ 7 đời Lê Dụ Tông (1705 - 1729), Lân Giác thượng sĩ Trịnh Hợp, còn gọi là Trịnh Thập (1690 - 1733), em ruột của An Đô vương Trịnh Cương (1686 - 1729), sơ Tổ dòng Thiền Lâm Tế Đàng Ngoài (Tế Trúc song hành), dựng chùa Liên Tông trên khu đất dinh thự của mình mà lập tổ đình của dòng Thiền. Ngài là bổn sư của hai vị đệ tử Trí Cự và Trạng Công. Sư Trí Cự được truyền đăng tại chùa Liên Phái với pháp hiệu Tích Dược tổ sư. Còn sư Trạng Công về trụ trì tại chùa Sùng Phúc với pháp hiệu Tính Tuyền. Hai vị đều thuộc thế hệ thứ hai của dòng Thiền Lâm Tế Đàng Ngoài.

Sư Trạng Công Tính Tuyền đã xây dựng tam quan chùa Sùng Phúc nhìn xuống dòng sông Tô Lịch lừng lờ trôi trước cửa chùa, cổng giữa mang dòng chữ “Tam Huyền môn” và từ đó, ngôi chùa Sùng Phúc được gọi là chùa Tam Huyền.

Năm Bính Thìn (1736), năm Vĩnh Hựu thứ 2 đời Lê Ý Tông (1735 - 1740), sư Trạng Công Tính Tuyền vâng sắc chỉ nhà vua sang Trung Quốc thỉnh kinh. Nhà sư đã đến núi Đỉnh Hồ, bái yết hoà thượng Kim Quang, thỉnh được nhiều pho kinh Phật. Trước khi lên đường về nước, sư Trạng Công Tính Tuyền rất mực thông tuệ và có tài ứng đối, vua Càn Long sắc phong sư Trạng Công Tính Tuyền là “Luông Quốc Hoà Thượng”. Nhìn lại lịch sử Phật giáo Việt Nam, có thể nói rằng đây là nhà sư đầu tiên của nước ta được mang danh hiệu cao quý này.

Trải qua biết bao biến cố thăng trầm, chùa Tam Huyền đã bị thiên nhiên và nhất là con người tàn phá. Tam quan chùa mang dòng chữ Tam Huyền môn chỉ còn lại những mảng nhỏ. Lăng thánh phụ cũng đã bị chiếm dụng xây cất nhà ở, làm mất vẻ trang nghiêm cổ kính của một cổ tự. Năm 1990, chùa Tam Huyền dần dần được phục hồi tu sửa, cảnh quan ngày một khởi sắc nhờ sự quan tâm và lòng nhiệt tình của nhân dân và chính quyền địa phương.

Tháng Chạp năm 1992 có hội rước hòm sắc, tượng thánh Từ Vinh trở về chùa Tam Huyền. Năm 1996, hai cánh am được trả lại. Từ năm 1992 đến 1997, chùa kiến thiết được 86m² nội thất.

Chùa tọa lạc ở đất thôn Thượng Thuộc, Mộc Thượng Đỉnh nhưng do sự sắp xếp của chính quyền nên vẫn do phường Hạ Đỉnh quản lý. Trường hợp này cũng giống như chùa Hoa Lãng nằm trên đất của Dịch Vọng nhưng lại do phường Quan Hoa (thị trấn Cầu Giấy xưa) trông nom.

Mộc Thượng Đỉnh ngày xưa có những di tích: nghề Cầu Đất (khu nhà máy thuốc lá Thăng Long), nghề Giá Tô (khu nhà máy cơ khí Hà Nội), am phụ thân Thánh Láng, khu văn chỉ hàng tổng (xóm Tiên). Làng có 8 giáp (mở hội vào ngày 9 tháng Giêng và 2 tháng Chín): giáp Ngõ Tổ, giáp Ngõ Tiên, giáp Nội Ngõ, giáp Nội Đạm, giáp Trung Nhất, Trung Nhị, giáp Ngõ. Đỉnh Thượng thờ Đông Hải đại vương (Đoàn Thượng), còn chùa Tam Huyền thờ Từ Vinh. Ngoài nghi lễ, hội có vật tay, chơi gà, đấu roi (hai người). Riêng hát chèo là kiêng kị. “6 tháng Ba thăm cha, 7 tháng Ba thăm mẹ, 8 tháng Ba thăm bà vú”. Hội chùa Tam Huyền nằm trong hệ thống hội với chùa Láng, chùa Hoa Lãng, chùa Nền... Ở đây có cuộc thi thổi xôi của 4 giáp khá sinh động. Tiêu chuẩn gạo nếp quýt giã sàng sây kỹ, phải dùng đũa son để gắp từng hạt sao cho hạt gạo nếp bóng đẹp. ... 4 giáp thổi xôi thi chọn lựa đưa 4 mâm xôi để thi chấm. Các vị quan viên viết giấy bản đánh dấu kín đảo vào từng mâm xôi. Có 3 vòng chấm để phân loại do các chánh phó hương hội làm Giám khảo. Giải nhất 3 phẩm oản to, giải nhì 2 phẩm, giải ba 1 phẩm...

Thi xong cho người dự hội vào véo xôi lấy khước về cho con cháu... Chỉ vài hồi trống hội là hết sạch mâm xôi. Nhà nghiên cứu Nguyễn Vinh Phúc trong “Khảo tả Hội Láng” trên tạp chí Dân tộc học (1982) có nhận xét: “Hội Láng 15 năm mới mở 1 lần, thường là năm được mùa... Cao trào chính là ngày 7 tháng Ba. Thuở đó hễ năm nào mở hội thì cuối tháng Hai làng xóm đã náo nức. Chức dịch thì lo bỏ bán các chân ông linh, thủ hiệu... Đền, đình thì lo quét dọn cho phong quang. Riêng ông linh, người điều khiển đám rước càng lo tập hợp hai bộ đồ (kiêng kiệu). Bộ ngai gồm 18 người đều đang có tang (ngụ ý để tang thánh phụ Từ Vinh). Bộ này khiêng kiệu chùa Cả lên cổng Cốt, độ hà qua sông Tô. Tới bờ bên kia thì sang vai cho bộ nội, bộ nội khiêng kiệu lên chùa Ba Lãng (Hoa Lãng) làm lễ rồi trở về. Đường xa nên bộ nội có 36 đồ (18 dự bị). Mồng 5 tháng Ba rước kiệu thăm chùa Nền (nơi ông bà Từ Vinh ra đời). Mồng 6 tháng Ba thì kiệu xuống chùa Tam Huyền thăm cha. Hai ngày này chỉ rước bát nhang không rước tượng. Chỉ năm nào đại hạn mới rước tượng, ý giả cầu cho làm mưa. Câu tục ngữ dân gian lưu truyền: “Nắng ông Từ, mưa ông Gióng” vì hội Gióng vào ngày 9 tháng Tư có mưa giông; còn hội Láng thờ ông Từ Lộ vào ngày 7 tháng Ba thường là nắng hạn...Kỷ hội Láng cuối cùng là vào năm 1943 tức năm Mùi, nhiều cổ lão còn nhớ được”.

Theo Lễ hội Thăng Long, Nhà xuất bản Hà Nội, 2001